

- Bị hại: Ông Trần Đức Th; sinh năm 1972; trú tại: 347/3 đường L2, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Đức Th: Ông Nguyễn Văn N1, Luật sư Văn phòng Đ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Hữu C1; sinh năm 1989; trú tại: Tổ dân phố 6B, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 11/2017 đến tháng 9/2018, Nguyễn Trung T (sinh năm 1976, đăng ký thường trú tại Thôn 12, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) đã có hành vi thuê 04 chiếc xe ô tô của người khác sau đó đưa đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Nội dung cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 21/11/2017, Nguyễn Trung T đến số 10, đường N2, phường T2, thành phố B thuê của anh Cao Thành V 01 chiếc xe ô tô biển số 47A-007.04, nhãn hiệu Nissan Grand Livina L10M. Hai bên lập hợp đồng thuê xe thời hạn thuê từ ngày 21/11/2017 đến ngày 21/12/2017, giá thuê 18.000.000đ/01tháng. Sau khi thuê xe ô tô biển số 47A-007.04 của anh V, T sử dụng xe đến tháng 6/2018 thì giao xe cho một người tên là B1 (trú tại tỉnh Đắk Nông, chưa rõ họ tên, địa chỉ) để cầm trả số tiền 150.000.000 đồng mà T đang nợ của B1. Khi giao xe thì giữa T với B1 không lập giấy tờ, hợp đồng gì. Sau khi hết thời hạn thuê xe ô tô, anh V nhiều lần liên lạc với T yêu cầu trả xe nhưng không liên lạc được. Ngày 19/3/2019, anh Cao Thành V đã gửi đơn tố giác hành vi của Nguyễn Trung T đến Công an thành phố B. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo truy tìm vật chứng số 59/TBĐTTH ngày 27/3/2019 đối với chiếc xe ô tô biển số 47A-007.04, nhưng đến nay Cơ quan điều tra chưa phát hiện, thu giữ được chiếc xe này.

Vụ thứ hai: Vào ngày 05/02/2018, Nguyễn Trung T đến địa chỉ số 347/3 đường L2, phường E, thành phố B, gặp anh Trần Đức Th để thuê chiếc xe ô tô biển số 47A-123.32, nhãn hiệu: Toyota- Innova. Hai bên lập hợp đồng thuê xe thời gian từ ngày 05/02/2018 đến ngày 05/8/2018, giá thuê xe 17.000.000đ/01tháng. Sau khi thuê xe, T đã sử dụng chiếc xe ô tô trên đến tháng 8/2018. Hết thời hạn thuê xe, anh Th nhiều lần gọi điện thoại cho T để yêu cầu trả xe nhưng không liên lạc được. Đến tháng 11/2018, anh Th kiểm tra thiết bị định vị thì chiếc xe ô tô trên đã bị cắt thiết bị định vị, không xác định được vị trí xe. Anh Th gọi điện thoại yêu cầu T mang xe về trả thì T nhắn tin qua điện thoại di động cho anh Th biết T đã mang xe đến tiệm cầm đồ số 289 tại số 108 đường H2, thành phố B của anh Vũ Hữu C1 cầm cố vay số tiền 60.000.000 đồng để trả nợ cá nhân, khi cầm cố thì không lập giấy tờ gì. Ngày 11/12/2018, anh Trần Đức Th đã gửi đơn tố giác đến Công an thành phố B trình báo vụ việc trên. Tại Cơ quan điều tra, anh Vũ Hữu C1 không

thừa nhận cầm cố chiếc xe nói trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng số 26/TB-ĐTTH ngày 23/01/2019 đối với chiếc xe ô tô biển số 47A-123.32, nhưng đến nay, Cơ quan điều tra chưa phát hiện, thu giữ được chiếc xe này.

Vụ thứ ba: Vào ngày 10/6/2018, Nguyễn Trung T đến địa chỉ số 291 đường L2, phường E, thành phố B, gặp chị Hà Thị V2 để thuê chiếc xe ô tô biển số 47A-195.11, nhãn hiệu: Hyundai- Avante. Hai bên lập hợp đồng thuê xe với thời gian thuê từ ngày 10/6/2018 đến ngày 10/9/2018, giá thuê xe 500.000 đồng/01 ngày. Ngày 28/6/2018, T điều khiển xe ô tô biển số 47A-195.11 chở chị Trương Thị S. Tại đây, T cầm cố xe ô tô biển số 47A-195.11 cho bà Lưu Thị T3 để vay số tiền 300.000.000 đồng để cho chị Trương Thị S vay lại. Sau khi hết thời hạn thuê xe ô tô, chị V2 nhiều lần gọi điện thoại cho T hỏi chiếc xe ô tô trên nhưng không liên lạc được, qua kiểm tra thiết bị định vị của xe ô tô, chị V2 biết chiếc xe ô tô 47A-195.11 đang để tại thôn E1, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 19/12/2018, chị V2 đã đến Công an thành phố B trình báo sự việc. Đến ngày 02/02/2019, bà T3 và chị V2 đã tự thỏa thuận thống nhất chị V2 hỗ trợ cho bà T3 số tiền 30.000.000 đồng và bà T3 trả lại chiếc xe ô tô 47A-195.11 cho chị V2 quản lý sử dụng.

Vụ thứ tư: Anh Trương Văn T4 là chủ sở hữu chiếc xe ô tô biển số 47A-232.59, nhãn hiệu Toyota, loại xe Fortuner, màu bạc. Tháng 06/2018, anh T4 giao chiếc xe ô tô trên cho cậu ruột là anh Trần Đức Th để kinh doanh dịch vụ thuê xe tự lái. Ngày 26/09/2018, tại địa chỉ số 347/3 Lê Duẩn, phường E, thành phố B, Nguyễn Trung T đã làm hợp đồng thuê chiếc ô tô biển số 47A-232.59 của anh Trần Đức Th, thời gian thuê xe từ ngày 26/09/2018 đến hết ngày 15/10/2018, giá thuê xe là 800.000 đồng/01 ngày. Sau khi thuê được xe, chiều cùng ngày 26/9/2018, T đã tự ý mang chiếc xe ô tô trên đến nhà anh Hoàng Minh Ph để cầm cố vay số tiền 130.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền thì T đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Đến tháng 11/2018, khi hết thời hạn thuê xe nhưng không thấy T đến trả xe nên anh Trần Đức Th liên lạc với T, nhưng không liên lạc được. Kiểm tra định vị xe ô tô 47A-232.59 thì thấy đã bị cắt định vị. Anh Trần Đức Th đi tìm kiếm thì phát hiện xe ô tô 47A-232.59 đang đậu tại hẻm 79 đường M, thành phố B, nên ngày 08/11/2018 anh Trần Đức Th đã trình báo Công an phường T5, thành phố B. Sau khi Công an thành phố B làm việc thì anh Hoàng Minh Ph đã giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan điều tra.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 97/KLĐG ngày 02/5/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B xác định chiếc xe ô tô biển số 47A-007.04, nhãn hiệu Nissan Grand Livina L10M, trị giá: 170.000.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 29/KLĐG ngày 13/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B xác định chiếc xe

ô tô biển số 47A-123.32, nhãn hiệu: Toyota - Innova, đã qua sử dụng trị giá 330.000.000 đồng.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số: 30/KLĐG ngày 13/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B xác định chiếc xe ô tô biển số 47A-195.11, nhãn hiệu: Hyundai- Avante trị giá 310.000.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 283/KLĐG ngày 07/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B xác định chiếc xe ô tô biển số 47A-232.59, nhãn hiệu Toyota, loại xe Fortuner, màu bạc, năm sản xuất 2011, đã qua sử dụng, trị giá: 540.000.000 đồng.

Tổng trị giá của 04 xe ô tô nêu trên là 1.350.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số: 1001/PC09 ngày 05/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Trung T trong các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Trung T trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4 là do cùng một người ký và viết ra.

Với các nội dung trên,

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2020/HS-ST ngày 17/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 25/3/2020.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 29/9/2020, bị cáo Nguyễn Trung T kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do: Mức án 16 năm tù là quá cao so với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Ngày 30/9/2020, người bị hại – anh Trần Đức Th kháng cáo cho rằng chính bị cáo T đã gây thiệt hại cho Anh, tài sản của Anh chưa thu hồi được, bắt Anh chịu 9.740.000 đồng án phí là không đúng.

Tại phiên tòa: Bị cáo, người bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, người bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2020/HS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo an tâm

cải tạo trong thời gian thi hành án; Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị hại, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền mà bị cáo đã gây thiệt hại cho người bị hại.

Sau khi nghe: Bị cáo, người bị hại trình bày nội dung kháng cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án; Lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo, Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người bị hại và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa phúc thẩm thì có cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 9 năm 2018, bị cáo Nguyễn Trung T đã thuê 04 chiếc xe ô tô trị giá 1.350.000.000 đồng của các anh: Trần Đức Th (2 xe), Cao Thành V và chị Hà Thị V2 (mỗi người 01 xe). Sau khi thuê được xe, T đem 04 chiếc xe để cản trừ nợ và cầm cố được số tiền 640.000.000 đồng sử dụng cho cá nhân. Với hành vi và hậu quả như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2020/HS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2020 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trung T thì thấy: Bị cáo Nguyễn Trung T biết rõ lợi dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 1.350.000.000 đồng nên hành vi phạm tội của bị cáo bị truy tố và xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2020 có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú khai nhận đúng hành vi phạm tội nên Bản án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ: “*khai báo thành khẩn*” được quy định tại điểm s khoản 1 và áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 16 năm tù là không nặng, đã tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết nào mới để làm căn cứ xét giảm án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2020/HS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với Bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo của anh Trần Đức Th cho rằng chính bị cáo T đã gây thiệt hại cho Anh, tài sản của Anh chưa thu hồi được, bắt Anh chịu 9.740.000 đồng án phí là không đúng thì thấy: Trong vụ án này, bị cáo T đã bị xét xử về

tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” trong đó có 01 chiếc xe ô tô của anh Trần Đức Th. Do tang vật chưa thu hồi được nên anh Trần Đức Th yêu cầu bồi thường giá trị chiếc xe là 342.000.000 đồng, Bản án sơ thẩm đã buộc bị cáo phải bồi thường chiếc xe theo định giá là 330.000.000 đồng là đúng, cùng với số tiền thuê xe trong 9 tháng là 153.000.000 đồng (17.000.000 đồng x 9 tháng = 153.000.000 đồng), tổng cộng 483.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật và anh Trần Đức Th không phải chịu án phí về khoản tiền mà bị cáo phải bồi thường cho anh Th. Do anh Th yêu cầu khoản bồi thường tăng thêm là 189.000.000 đồng nhưng không được chấp nhận nên anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền yêu cầu nhưng không được Tòa án chấp nhận là có căn cứ, đúng với quy định tại Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Kháng cáo của anh Trần Đức Th không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, anh Trần Đức Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung T, không chấp nhận kháng cáo của người bị hại – anh Trần Đức Th. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2020/HS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

1. Áp dụng: Khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung T 16** (Mười sáu) năm tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo tính từ ngày 25 tháng 3 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Trung T phải bồi thường cho anh Trần Đức Th số tiền 483.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi ba triệu đồng).

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 23, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

+ Buộc anh Trần Đức Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự đối với những người bị hại khác và các Quyết định về: xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thực hiện theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2020/HS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc Kiểm tra I – TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV; Trại tạm giam - CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã H, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk (thay cho TB kết quả xét xử);
- Lưu Hồ sơ vụ án, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến